

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-PT
Ngày: 31-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Nguyễn Thành Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 105/2017/TLPT-HS ngày 21 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2017/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: A, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Ấp T, xã TN, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B và bà C; anh, chị, em ruột: Có 03 người (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1996); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn người đại diện hợp pháp của bị hại D là chị E, F, G, H; bị hại Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà L, N, K, O, Phòng kinh tế và hạ tầng huyện V, Công ty F không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 10 phút ngày 04/5/2017 bị cáo A điều khiển xe ô tô tải (loại xe cần cẩu) biển số 64C-043.xx lưu thông trên quốc lộ 53, theo hướng từ Trà Vinh đến Vĩnh Long với vận tốc khoảng 75km/h. Khi đến đoạn đường Km 32+800 thuộc ấp A1, xã TH, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo A nhìn thấy hướng ngược chiều có xe mô tô biển số 64K3-86xx do anh D điều khiển lưu thông trên đường và xe ô tô tải 64C-038.xx do anh Q điều khiển phía sau xe của anh D. Lúc này trời đang mưa, bị cáo A muốn tránh xe 64C-038.73 do anh Q điều khiển nên đạp phanh xe để giảm tốc độ, làm cho phần thùng sau xe ô tô tải 64C-043.66 quay ngang lộ, lấn sang phần đường bên trái hướng đi và chạm vào xe mô tô 64K3-86xx do anh D điều khiển, phần thùng đuôi xe ô tô tải 64C-043.xx tiếp tục va chạm vào trụ điện đèn chiếu sáng công cộng, rồi tiếp tục va chạm vào xe ô tô tải 64C-038.xx do anh Q điều khiển. Hậu quả làm anh D tử vong tại hiện trường, xe mô tô 64K3 – 86xx bị hư hỏng, trụ điện đèn chiếu sáng công cộng bị gãy ngã, xe ô tô 64C-038.xx bị hư hỏng phần đầu xe.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 81/2017/TTh ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Vĩnh Long kết luận: Nguyên nhân tử vong của anh D là do choáng mất máu cấp/Đa chấn thương nặng vùng ngực, bụng.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 39/TTHS ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện V, thống nhất giá trị tài sản trong vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra ngày 04/05/2017 trên đường Quốc lộ 53 đoạn Km 32+800 thuộc ấp A1, xã TH, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, bị thiệt hại như sau: Xe ô tô tải 64C-038.xx giá trị thành tiền là 49.500.000 đồng, trụ điện đèn chiếu sáng công cộng là 22.003.660 đồng, xe mô tô 64K3-86xx là 2.500.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 74.004.000 đồng.

Theo biên bản về việc thống nhất kết quả điều tra và nhận xét lỗi vụ tai nạn giao thông, Công an huyện V xác định như sau: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường trải nhựa bê tông, đường thẳng, không có biển báo hiệu đường bộ, đường hai chiều ở giữa có vạch kẻ đường màu trắng đứt quãng, hai bên lề đường thông thoáng không có chướng ngại vật che chắn khuất tầm nhìn, mặt đường rộng 6,9m; các điểm va chạm đều nằm bên trong lề trái hướng Trà Vinh đến Vĩnh Long.

Điểm va chạm giữa xe ô tô tải 64C-043.xx với xe mô tô 64K3-86xx cách lề trái 1,2m.

Điểm va chạm giữa xe ô tô tải 64C-043.xx với trụ đèn chiếu sáng công cộng cách lề trái là 2,2m.

Điểm va chạm giữa xe ô tô tải 64C-043.xx với xe ô tô tải 64C-038.xx cách lề trái là 1,4m.

Lỗi chính vụ tai nạn do bị cáo A điều khiển xe ô tô tải 64C-043.xx với vận tốc khoảng 75km/h, lúc trời mưa, mặt đường trơn trượt, khi tránh xe đi ngược chiều bị cáo A không giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép, đã vi phạm vào khoản 2 Điều 12 chương II Luật giao thông đường bộ.

Về bồi thường thiệt hại:

Bị cáo A và anh N là chủ xe ô tô tải 64C-043.xx đã bồi thường trụ điện đèn chiếu sáng công cộng cho Phòng kinh tế và hạ tầng huyện V số tiền là 22.003.660 đồng. Bồi thường tiền sửa chữa xe ô tô tải 64C-038.xx số tiền là 52.500.000 đồng, tiền sửa xe mô tô 64K3-86xx số tiền 2.500.000 đồng.

Đại diện hợp pháp của bị hại D yêu cầu bồi thường với tổng số tiền là 192.500.000 đồng, bị cáo A và anh N đã bồi thường được 12.500.000 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V số tiền 50.000.000 đồng.

Về vật chứng: 01 chứng minh nhân dân số 331601800 tên A và 01 giấy phép lái xe số AY 228360 tên A.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2017/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”

Áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 76, Điều 99, Điều 195 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo A 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 10 năm 2017 bị cáo A đơn kháng cáo với nội dung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo A trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã áp dụng. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 202, điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/QH14 ngày 20/6/2017;

xử phạt bị cáo A 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, các biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định, kết luận lỗi giao thông, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện: Ngày 04/5/2017 bị cáo A điều khiển xe ô tô tải biển số 64C-043.xx lưu thông trên quốc lộ 53, theo hướng từ Trà Vinh đến Vĩnh Long với vận tốc khoảng 75km/h, khi đến đoạn đường Km 32+800 thuộc ấp A1, xã TH, huyện V, bị cáo A muốn tránh xe 64C-038.xx do anh Q điều khiển phía ngược chiều nên đạp phanh xe để giảm tốc độ, làm cho phần thùng sau xe ô tô tải 64C-043.xx quay ngang lộ, lấn sang phần đường bên trái hướng đi va chạm vào xe mô tô 64K3-86xx do anh D điều khiển, phần thùng đuôi xe ô tô tải 64C-043.xx do bị cáo A điều khiển tiếp tục va chạm vào trụ điện đèn chiếu sáng công cộng, rồi tiếp tục va chạm vào xe ô tô tải 64C-038.xx do anh Q điều khiển. Hậu quả làm anh D tử vong tại hiện trường, xe mô tô 64K3 – 86xx bị hư hỏng, trụ điện đèn chiếu sáng công cộng bị gãy ngã, xe ô tô 64C-038.xx bị hư hỏng phần đầu xe. Nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn do bị cáo A điều khiển xe với vận tốc nhanh không giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo A về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khi lượng hình cho bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình giảm nhẹ cho bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, gia đình bị cáo có công với cách mạng được quy định tại điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự và áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội được quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xử phạt bị cáo A mức án 06 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và tại cấp

phúc thẩm bị cáo cũng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo A.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt cho bị cáo A đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo, nhưng khi nhận định bản án cấp sơ thẩm không ghi cụ thể tình tiết giảm nhẹ nào được áp dụng và cũng không nêu cụ thể các tình tiết khác nào được xem là tình tiết giảm nhẹ để áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo A. Đến ngày 12/10/2017 Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo sửa chữa, bổ sung bản án về nhận định các tình tiết giảm nhẹ cụ thể được áp dụng trong bản án. Tuy nhiên, việc sửa chữa, bổ sung bản án là không phù hợp quy định pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A và giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 42/2017/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

Áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo A 06 (sáu) tháng tù, về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND HV: 01;
- VKSND + CQĐT HV: 02;
- CQTHADS HV: 02;
- CQTHAHS: 01;
- TG + BC: 02;
- PHSCAVL: 01
- STP: 01;
- UBND, CA xã TN: 02;
- Lưu VP: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Duyên

